

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với
thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số
92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết
thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-
CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện
pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực
hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BKH-CN ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục thành phần hồ
sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của
Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
47/TTr-SKH-CN ngày 21 tháng 10 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ
phải số hóa đối với 55 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà
nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + PCVP Trà Thanh Trí (đ/b);
 - + Phòng KGVX (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.NTT



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 631 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ			
1.	1.006427.000. 00.00.H34	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2232)
2.	2.000079.000. 00.00.H34	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003148) 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003149)
3.	2.002144.000. 00.00.H34	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003149)

		đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người		000.00.00.G06-KQ003138) 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003139)
4.	2.001143.000.00.00.H34	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1377)
5.	2.001137.000.00.00.H34	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1371)
6.	1.002690.000.00.00.H34	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1371)
7.	2.001643.000.00.00.H34	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1740)
8.	2.002248.000.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký	295/QĐ-UBND ngày	1) Văn bản đề nghị đăng ký chuyển

	00.00.H34	chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	10/6/2021	giao công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2347)
9.	2.002249.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2353)
10.	2.001179.000. 00.00.H34	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Văn bản đề nghị xác nhận (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2367)
11.	2.002278.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2407)
12.	2.001525.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2335)
13.	1.011818.H34	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo

		nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003348)
14.	1.011820.H34	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003356)
15.	1.011819.H34	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước theo Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003355)
16.	3.000259.H34	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	158/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	1) Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ (Mã TPHS: G06-KQ003754)
17.	1.008377.000.	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và	295/QĐ-UBND ngày	1) Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào

	00.00.H34	bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Tỉnh)	10/6/2021	viên chức (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2543)
18.	1.008379.000.00.00.H34	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp Tỉnh)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2552)
19.	1.001770.000.00.00.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1084).
20.	1.001693.000.00.00.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1038)
21.	1.001786.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	462/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	1) Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1089)
22.	1.001747.000.00.00.H34	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức	462/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	1) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

		khoa học và công nghệ		khoa học và công nghệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1061</i>)
23.	1.001716.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	462/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	1) Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1043</i>)
24.	1.001677.000.00.00.H34	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	462/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	1) Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003237</i>)
25.	2.002544.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	348/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	1) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ- TTg (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003264</i>)
26.	2.002546.H34	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	348/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	1) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg (<i>Mã TPHS:</i>

				000.00.00.G06-KQ003276)
27.	2.002548.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	348/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	1) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ- TTg (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003285)
28.	1.011812.H34	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1 (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003322) 2) Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2 (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003323)
29.	1.011814.H34	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1 (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003330)

30.	1.011815.H34	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1 (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003334)
31.	1.011816.H34	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1 (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003337)
32.	1.012353.H34	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	134/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	1) Văn bản đề nghị xác định công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003737) 2) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003739)
33.	2.002502.000.00.00.H34	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	404/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1) Công văn đề nghị Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đã nộp vào Quỹ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003240) 2) Thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và

				công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003241)
II.	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng			
34.	2.002253.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ0572)
35.	2.001209.000. 00.00.H34	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Bản công bố hợp chuẩn (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1460)
36.	2.001207.000. 00.00.H34	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Bản công bố hợp chuẩn (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1445)
37.	2.001277.000. 00.00.H34	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Bản công bố hợp quy (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2566)
38.	2.001501.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1396)
39.	2.001259.000.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất	295/QĐ-UBND ngày	1) Đăng ký kiểm tra nhà nước về

	00.00.H34	lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	10/6/2021	chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1547) 2) Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1553)
40.	1.001392.000. 00.00.H34	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1902)
41.	2.001208.000. 00.00.H34	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1172)
42.	2.001100.000. 00.00.H34	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-

				<i>KQ1390)</i>
43.	2.000212.000. 00.00.H34	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ0668)
44.	1.000449.000. 00.00.H34	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	295/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1) Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ0668)
45.	2.001269.000. 00.00.H34	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	479/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1) Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ1557)
III.	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân			
46.	2.002385.000. 00.00.H34	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2984)
47.	2.002380.000. 00.00.H34		431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2949)

		Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		2) Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2951) 3) Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2954)
48.	2.002381.000.00.00.H34	Thủ tục Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2961) 2) Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất) (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2966)
49.	2.002382.000.00.00.H34	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2969)

50.	2.002383.000. 00.00.H34	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2975) 2) Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2977)
51.	2.002384.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2981)
52.	2.002379.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	431/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1) Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ2943)
IV.	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			
53.	1.011937.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	524/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003565)
54.	1.011938.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	524/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) (Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003565)

				<i>KQ0035680</i>
55.	1.011939.H34	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	524/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1) Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G06-KQ003572</i>)